TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 07/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 06 tháng 3 năm 2020
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trường.
Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Vượng.
- Ông Nguyễn Văn Tư.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Đặng Văn Hưng – Thư ký Toà án nhân dân thành phố B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B: Ông Trần Ngọc Nam- Kiểm sát viên.

Trong ngày 06/3/2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/02/2020 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Vũ Thị X, sinh năm 1977. Địa chỉ: thôn 284, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt)

+ Bị đơn: Anh Đoàn Đức T, sinh năm 1974. Địa chỉ: thôn P, thành phố B. (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị X là Luật sư Nguyễn Đức T - Công ty Luật Minh Anh- Chi nhánh Bắc Giang thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 30/12/2019 và trong quá trình xét xử, chị Vũ Thị X có đơn xin xét xử vắng mặt, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị X là Luật sư Nguyễn Đức T có mặt tại phiên tòa trình bày:

Chị X với anh Đoàn Đức T kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 02/7/2012 tại UBND xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Trước khi kết hôn hai người được tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn thì chị X không về làm dâu nhà anh T mà cả hai vợ chồng về ở tại địa chỉ: thôn 284, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Trong thời gian chung sống, hai bên đã xảy ra mâu thuẫn. Anh T thường xuyên kiếm cớ đánh đập chị X vô cớ. Chị X và anh T ly thân nhau từ tháng 9 năm 2019 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị X đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Đoàn Đức T.

Về con chung: Hai vợ chồng có 01 con chung cháu Đoàn Đức M, sinh ngày 21/6/2006 hiện đang ở cùng với chị X. Ly hôn chị X đề nghị được nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị X và anh T tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Chị X và anh T tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đoàn Đức T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trình bày:

Anh T với chị Vũ Thị X kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 02/7/2012 tại UBND xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; có tổ chức cưởi hỏi theo phong tục địa phương. Trước khi kết hôn hai người được tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn thì chị X không về làm dâu nhà anh T mà cả hai vợ chồng về ở tại địa chỉ: thôn 284, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Trong thời gian chung sống, hai bên có xảy ra mâu thuẫn, nhưng là mâu thuẫn nhỏ chưa đến mức phải ly hôn. Nay chị X đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh T. Anh T không đồng ý.

Về con chung: Hai vợ chồng có 01 con chung cháu Đoàn Đức M, sinh ngày 21/6/2006 hiện đang ở cùng với chị X. Nếu phải ly hôn, anh T đề nghị được nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T và chị X tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Anh T và chị X tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Qua xác minh, ông Nguyễn Quang T- trưởng thôn P và bà Ngô Thị Minh N cho biết như sau: Anh Đoàn Đức T hiện có hộ khẩu thường trú tại thôn P, thành phố B. Trước khi kết hôn với chị X thì anh T kết hôn với chị Nguyễn Thị Thuân và có cùng hộ khẩu thường trú với anh T. Sau khi anh T ly hôn với chị T thì ngày 02/7/2012 anh T kết hôn với chị X. Việc anh T kết hôn với chị X là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

Cháu Đoàn Đức M có lời khai cháu không mong muốn bố mẹ cháu bỏ nhau. Nhưng nếu bố mẹ cháu bỏ nhau thì cháu mong muốn được ở với mẹ cháu Vũ Thị X.

Luật sư Nguyễn Đức T có ý kiến tranh luận như sau: Trong thời gian chung sống giữa anh T và chị X thường xảy ra mâu thuẫn. Anh T thường xuyên đánh đập chị X. Có lần do mâu thuẫn anh T đã vi phạm pháp luật dùng gạch đập vào đầu chị X khiến cho chị X phải đi cấp cứu ở bệnh viện. Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị X được ly hôn anh T. Về con chung: do cháu M có nguyện vọng ở với chị X nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu M cho chị X trực tiếp nuôi con. Do chị X là hộ nghèo nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn nộp án phí cho chị X.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên Toà hôm nay, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên toà. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Cần chấp nhận ly hôn giữa Vũ Thị X và anh Đoàn Đức T.

- Về con chung: Hai vợ chồng có 01 con chung là cháu Đoàn Đức M, sinh ngày 21/6/2006 hiện đang ở cùng với chị X. Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Đoàn Đức M, sinh ngày 21/6/2006 cho chị Vũ Thị X trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Vũ Thị X và anh Đoàn Đức T tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Vũ Thị X và anh Đoàn Đức T tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị miễn án phí cho chị Vũ Thị X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn có trong hồ sơ, ý kiến của Luật sư và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Vũ Thị X có đơn xin xử vắng mặt, anh Đoàn Đức T vắng mặt tại phiên tòa. Đây là lần thứ hai anh T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt chị Vũ Thị X và anh Đoàn Đức T theo quy định tại Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị X và anh Đoàn Đức T kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn và cưới hỏi theo phong tục địa phương nên quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Thị X và anh Đoàn Đức T là hợp pháp.

Trong thời gian chung sống hai bên thường xảy ra mâu thuẫn vợ chồng (chị Vũ Thị X cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống và lối sống, anh T thường xuyên đánh đập chị vô cớ) dẫn tới hai người ly thân nhau từ từ tháng 9/2019 đến nay không ai còn quan tâm đến ai nữa. Xét thấy tình trạng hôn nhân mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị Vũ Thị X được ly hôn anh Đoàn Đức T (theo Điều 56- Luật hôn nhân và gia đình 2014).

[3] Về con chung: Hai vợ chồng có 01 con chung là cháu Đoàn Đức M, sinh ngày 21/6/2006 hiện đang ở cùng với chị X. Cả chị X và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung. Tuy nhiên, xét về nguyện vọng của cháu M muốn được tiếp tục ở với mẹ để tiếp tục học ở trường phổ thông trung học xã Q. Anh T thì thường xuyên đi làm ăn xa nên không có điều kiện trực tiếp nuôi dạy, chăm sóc con chung. Vì lợi ích mọi mặt của cháu M, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Đoàn Đức M, sinh ngày 21/6/2006 cho chị X trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Vũ Thị X và anh Đoàn Đức T tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Vũ Thị X và anh Đoàn Đức T không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Vũ Thị X phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật. Nhưng do chị X thuộc hộ nghèo nên thuộc trường hợp miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Vũ Thị X và anh Đoàn Đức T.

Về con chung: Giao con chung Đoàn Đức M, sinh ngày 21/6/2006 cho chị Vũ Thị X trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị Vũ Thị X và anh Đoàn Đức T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về án phí: Miễn nộp án phí cho chị Vũ Thị X. Hoàn trả chị Vũ Thị X 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000830 ngày 02/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị X và anh Đoàn Đức T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP B;
- CCTHA-DS TP B;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Trường

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Trường